



HOẠT ĐỘNG NGỮ PHÁP, NGỮ NGHĨA
CỦA TÍNH TỪ TRONG TẬP THƠ *QUÊ MẸ* CỦA TỔ HỮU

Đỗ Thị Liên¹, Phan Ngự Uyển²

Ngày nhận bài: 21/5/2024

Ngày chấp nhận đăng: 20/6/2024

Tóm tắt: Tính từ là một trong ba từ loại cơ bản của thực từ. Các tiểu loại của tính từ được thể hiện rất đa dạng và phong phú cả về mặt cấu tạo và ngữ nghĩa từ vựng. Tìm hiểu tác phẩm “*Quê mẹ*” của Tổ Hữu, chúng tôi nhận thấy lớp tính từ được tác giả sử dụng khá linh hoạt về cả hoạt động ngữ pháp lẫn hoạt động ngữ nghĩa trong mỗi dòng thơ. Hiện chưa có công trình nào khảo sát tính từ ở các phương diện hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa trong tập thơ *Quê mẹ* của Tổ Hữu. Vì vậy, với bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành mô tả rõ nét khả năng từ loại của tính từ trong thực tế sử dụng ngôn ngữ thơ ca, trên cơ sở đó chỉ ra được những giá trị sử dụng của tính từ nhằm phục vụ cho dụng ý nghệ thuật của tác giả. Trong đó, chúng tôi đặc biệt chú ý tới các khả năng vận dụng tính từ sáng tạo của tác giả trong mỗi câu thơ, đem đến cho tính từ các khả năng hoạt động ngữ pháp linh hoạt đồng thời làm tăng giá trị biểu hiện ngữ nghĩa của mỗi tính từ khi đi vào thực tế sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật.

Từ khoá: ngữ pháp, ngữ nghĩa, tính từ, tập thơ *Quê mẹ*, Tổ Hữu

GRAMMAR AND SEMANTIC ACTIVITIES OF ADJECTIVES
IN TO HUU'S POETRY COLLECTION *QUE ME*

Abstract: Adjectives are one of the three basic word types of content words. The subtypes of adjectives are expressed in a very diverse and rich way both in terms of structure and lexical semantics. Studying the poetry collection “*Que me*” by poet To Huu, we find that the class of adjectives used by the author is quite flexible in terms of both grammatical and semantic activities in each line of poetry. There is currently no work examining adjectives in terms of grammatical and semantic activities in To Huu's poetry collection “*Que me*”. Therefore, in this article, we will clearly describe the word-type ability of adjectives in the actual use of poetic language, and on that basis, point out the usage values of adjectives to serve the author's artistic intentions. In particular, we pay special attention to the author's ability to creatively apply adjectives in each verse, giving adjectives flexible grammatical capabilities while also increasing the value of the semantic expression of each adjective when put into practice using artistic language.

Keywords: grammar, semantics, adjectives, poem collection *Que me*, To Huu

1. Giới thiệu

Tính từ là một trong ba từ loại cơ bản của thực từ (danh từ, động từ, tính từ). Trong câu tiếng Việt, tính từ vừa đảm nhiệm chức năng là thành phần bổ nghĩa cho danh từ, động từ, vừa

¹ Trường Đại học Bạc Liêu.

² Cựu sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.



đảm nhiệm chức vụ vị ngữ ở trong câu. Các tiểu loại của tính từ được thể hiện rất đa dạng và phong phú cả về mặt cấu tạo và ngữ nghĩa từ vựng. Theo đó, trong quá trình sáng tác văn chương nói chung và thơ ca nói riêng, các tác giả rất hay sử dụng tính từ để miêu tả về các đặc trưng, tính chất của các sự vật, hiện tượng hoặc của các vận động, quá trình, trạng thái của các sự vật, hiện tượng được nêu ra trong mỗi câu thơ. Tìm hiểu tập thơ *Quê mẹ* của Tố Hữu, chúng tôi nhận thấy lớp tính từ được tác giả sử dụng khá linh hoạt về cả hoạt động ngữ pháp lẫn hoạt động ngữ nghĩa trong mỗi dòng thơ. Hiện chưa có công trình nào khảo sát tính từ ở các phương diện hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa trong tập thơ *Quê mẹ* của Tố Hữu. Vì vậy, với bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành mô tả rõ nét khả năng từ loại của tính từ trong thực tế sử dụng ngôn ngữ thơ ca, trên cơ sở đó chỉ ra giá trị sử dụng của tính từ nhằm phục vụ cho dụng ý nghệ thuật của tác giả. Để cụ thể hoá vấn đề, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích khả năng hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa của hai tiểu loại tính từ: tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ và tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ [2; tr.116 – 117]. Trong đó, chúng tôi đặc biệt chú ý tới các khả năng vận dụng tính từ sáng tạo của tác giả trong mỗi câu thơ, đem đến cho tính từ các khả năng hoạt động ngữ pháp linh hoạt đồng thời làm tăng giá trị biểu hiện ngữ nghĩa của mỗi tính từ trong thực tế sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật.

2. Nội dung

2.1. Khái quát vài nét về tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Có thể thấy, xu hướng tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ Ngôn ngữ học hiện nay được rất nhiều nhà nghiên cứu áp dụng. Việc phân tích tác phẩm văn học từ góc độ Ngôn ngữ học sẽ phát hiện ra được vai trò, ý nghĩa của từ ngữ trong việc biểu hiện nội dung tác phẩm và thể hiện phong cách nhà văn. Trong đó, việc nghiên cứu từ ngữ trong các tác phẩm cũng là một hướng đi mới của nhiều tác giả, nhất là hướng tiếp cận từ phương diện từ loại. Tính từ là một từ loại hấp dẫn mà từ trước đến nay luôn thu hút sự chú ý của các nhà ngôn ngữ và những ai quan tâm đến lĩnh vực ngôn ngữ. Đã có một số công trình nghiên cứu về việc sử dụng từ loại tính từ trong tác phẩm văn học, mỗi công trình nghiên cứu theo những hướng khác nhau. Trong công trình *Khảo sát hệ thống tính từ trong thơ Võ Quảng viết cho thiếu nhi* (2014), tác giả Vương Thị Thanh Chi đã tiến hành khảo sát về đặc điểm phân loại của tính từ: tính từ có thang độ và tính từ không có thang độ. Trên cơ sở đó, tác giả đã vận dụng vào việc xây dựng hệ thống bài tập bổ trợ luyện viết văn miêu tả cho học sinh khá, giỏi lớp 4. Nguyễn Thị Thu (2018) với công trình *Tính từ trong thơ Nôm đường luật của Hồ Xuân Hương* đã tiến hành khảo sát hệ thống từ loại tính từ trong sáng tác thơ Nôm đường luật của Hồ Xuân Hương về mặt cấu tạo từ. Trên cơ sở khảo sát, tác giả cũng chỉ ra hiệu quả sử dụng trong sáng tác của tác giả. Trong công trình *Khảo sát tính từ chỉ màu sắc trong thơ Trần Đăng Khoa* (2020), tác giả Trần Thị Nhung đã tiến hành khảo sát các tiểu loại tính từ chỉ màu sắc trong thơ Trần Đăng Khoa. Theo đó, tác giả đã đi vào xây dựng một số bài tập bổ trợ giúp học sinh tiểu học nhận biết về tính từ chỉ màu sắc trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong tác phẩm văn chương. Trong khả năng khảo sát lịch sử nghiên cứu của bản thân, chúng tôi nhận thấy đa phần các công trình nghiên cứu đi trước tập trung nghiên cứu tính từ ở các góc độ như cấu tạo từ hay đặc điểm phân định tiểu loại; đồng thời, vấn đề về từ loại tính từ cũng chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống trong tập thơ *Quê mẹ* của Tố Hữu. Theo đó, bài viết này sẽ tập trung vào hướng nghiên cứu còn bỏ ngỏ hoặc chưa được đề cập chuyên sâu. Trên cơ sở đó, chúng tôi hi vọng nghiên cứu về hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa của tính từ trong tập thơ *Quê mẹ* sẽ làm phong phú thêm hướng nghiên cứu về việc vận dụng lí thuyết từ loại trong thực tế sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt nói chung và ngôn ngữ thơ ca nói riêng.

Với đường hướng và mục đích nghiên cứu đã được xác lập ở trên, trong bài viết này, chúng tôi sử dụng một phương pháp nghiên cứu như thống kê – phân loại, miêu tả và phân tích – tổng hợp. Chúng tôi tiến hành theo các bước sau: Bước 1: thống kê và phân loại các nhóm tính từ được sử dụng trong tập thơ *Quê mẹ*; Bước hai: sau khi có kết quả khảo sát thống kê phân loại, chúng tôi sẽ miêu tả từ loại ở các khía cạnh phân loại và hoạt động ngữ pháp cùng các thủ pháp phân tích bên trong của ngôn ngữ (thủ pháp chêm xen, thủ pháp lược bỏ,...) để khái quát hoá các đặc điểm từ loại trong tập thơ; Bước 3: sau khi miêu tả các cách thể hiện từ loại trong tập thơ,

chúng tôi phân tích đánh giá và tổng hợp lại những giá trị sử dụng của tính từ trong mỗi câu thơ của tập thơ. Hoạt động ở Bước 2 và Bước 3 được chúng tôi thực hiện đồng thời.

2.2. Kết quả khảo sát

Đối tượng khảo sát mà chúng tôi hướng đến trong tập thơ *Quê mẹ* là hai kiểu loại tính từ: tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ và tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ. Tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ “ (...) không biểu thị ý nghĩa thang độ tự thân. Chúng thường kết hợp với phụ từ chỉ ý nghĩa thang độ: rất, hơi, khi, quá, lắm, cực kì, ...” [2; tr.116]. Tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ “ (...) biểu thị thang độ của đặc trưng trong ý nghĩa tự thân. Do đó, chúng không kết hợp được với phụ từ trình độ như rất, hơi, khi, quá, lắm, ...” [2; tr.117]. Qua quá trình khảo sát, chúng tôi thống kê được 485 tính từ. Trong đó có 332 tính từ thuộc kiểu chỉ đặc trưng không xác định thang độ và 153 tính từ thuộc kiểu chỉ đặc trưng xác định thang độ. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

STT	Vị trí hoạt động ngữ pháp, ngữ nghĩa	Tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ	Tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ	Tổng	Tỉ lệ %
1	Định tổ tính từ	244	79	323	66,6
2	Bổ tổ tính từ	37	29	66	13,6
3	Vị ngữ	51	45	96	19,8
4	Tổng	332	153	485	100

Căn cứ vào bảng khảo sát chúng ta có thể thấy, trong tập thơ *Quê mẹ*, tính từ đảm nhiệm khá linh hoạt ở cả ở ba vị trí ngữ pháp: định tổ, bổ tổ và vị ngữ. Trong đó, việc sử dụng tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ chiếm số lượng cao gấp đôi so với tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ. Ở các vị trí ngữ pháp, tính từ đa phần đảm nhận chức năng định tổ rồi đến chức năng vị ngữ và sau cùng là đến chức năng bổ tổ. Xét trong thực tế vận dụng, các tiêu lớp tính từ này có những đặc điểm hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa như sau:

2.3. Khả năng hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa của lớp tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ

Khi phân tích khả năng hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa của lớp tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ, chúng tôi lần lượt xem xét khả năng hoạt động của lớp tính từ này ở các vị trí định tổ, bổ tổ và vị ngữ. Xét ở góc độ từ loại, lớp tính từ này không có khả năng làm thành phần trung tâm của cụm từ, không có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ như: *rất, hơi, khá, quá, lắm, cực kì, vô cùng, ...* Trong tập thơ, nó chủ yếu đảm nhận ở vị trí định tổ trong cụm danh từ rồi đến vị trí vị ngữ và khả năng đảm nhận ít hơn là ở vị trí bổ tổ.

2.3.1. Tính từ ở vị trí định tổ

Ở vị trí định tổ, tính từ nằm ở phần phụ sau của cụm danh từ, giữ chức năng là thành phần miêu tả trong cụm danh từ, gọi tắt là định tổ tính từ (ĐTTT). Ví dụ như: các tính từ “*mới*”, “*xanh dịu*” trong các câu thơ sau:

- (1) *Bụi đời dơ chưa vẩn đục hồn non,*
Cùng trình tiết như hai tờ giấy mới.

(Hai đứa bé; tr.15)

- (2) *Nắng xuân tươi trên thân dừa xanh dịu,*
Tàu cau non lấp lánh muôn gươm xanh.

(Xuân lòng; tr.26)

Trong các câu thơ trên thì các tính từ “*mới*”, “*xanh dịu*” làm định tổ tính từ trong các cụm danh từ là “*hai tờ giấy mới*”, “*thân dừa xanh dịu*”. Chúng tôi có thể mô hình hóa vị trí chức năng của tính từ trong các cụm danh từ này theo bảng sau:

STT	Cụm danh từ		
	Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
1	<i>hai</i>	<i>tờ giấy*</i>	<i>mới</i> (ĐTTT)
2		<i>thân dừa</i>	<i>xanh dịu</i> (ĐTTT)

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nhằm phục vụ cho dụng ý nghệ thuật của tác giả hoặc để phù hợp với cách phối vần, thanh điệu trong thơ ca, trong quá trình sáng tác, tác giả đã sử dụng cách kết hợp ĐTTT trong cụm danh từ theo một trật tự đảo ngược, định tổ tính từ được đẩy lên đầu cụm danh từ và phần trung tâm của cụm danh từ được đặt ra phía sau. Ví dụ như cách sử dụng của các tính từ “*thăm thẳm*”, “*đỏ au*”, “*mênh mông*”,... trong các ví dụ sau:

- (3) *Da trời xanh ngắt thần tiên,*
***Đỏ au** đường lớn mang tên Bác Hồ.*

(*Nước non ngàn dặm; tr.141*)

- (4) *Nghĩ người, **thăm thẳm** rừng sâu,*
Mười năm bom đạn, măng rau, sốt ngàn.

(*Nước non ngàn dặm; tr.143*)

- (5) *Từ vô vọng, **mênh mông** đêm tối,*
Người đã đến. Chói chang nắng dọi.

(*Một nhánh xuân; tr.161*)

Trong cụm danh từ ở ví dụ (3), “*đỏ au đường lớn*”, ĐTTT “*đỏ au*” được đẩy lên phía trước của cụm danh từ, cụm danh từ khôi phục lại bình thường phải là “*đường lớn đỏ au*”. Tương tự, với hai ĐTTT “*thăm thẳm*”, “*mênh mông*” cũng vậy. Trong cụm danh từ ở ví dụ (4), “*thăm thẳm rừng sâu*”, ĐTTT “*thăm thẳm*” được đẩy lên phía trước cụm danh từ, đáng lý phải là “*rừng sâu thăm thẳm*”. Trong cụm danh từ ở ví dụ (5), “*mênh mông đêm tối*”, ĐTTT “*mênh mông*” cũng được đẩy lên phía trước cụm danh từ “*mênh mông đêm tối*”, cụm danh từ khôi phục lại bình thường phải là “*đêm tối mênh mông*”. Với cách đảo ngược vị trí này tác giả nhằm nhấn mạnh tính chất, đặc trưng của các sự vật, hiện tượng được nêu ra trong cụm danh từ.

Đặc biệt, trong quá trình khảo sát, chúng tôi còn nhận thấy đối với cụm danh từ có chứa nhiều ĐTTT thì ĐTTT là các từ chỉ tính chất mô phỏng thường có khả năng cao được đảo vị trí trong cụm danh từ để phục vụ cho dụng ý nghệ thuật của tác giả. Câu thơ thứ (2) ở trên là một minh chứng, hai tính từ “*thăm thẳm*” và “*sâu*” cùng tồn tại trong cụm danh từ ở dạng nguyên mẫu là “*rừng sâu thăm thẳm*”. Tuy nhiên, để nhấn mạnh tính chất “*thăm thẳm*” của “*rừng*”, khắc sâu hơn sự xa xôi cách trở, tác giả đã đảo vị trí tính từ “*thăm thẳm*” lên đầu cụm danh từ, còn tính từ “*sâu*” vẫn ở vị trí cũ. Chúng ta đặt ra giả thiết nếu đảo tính từ “*sâu*” lên đầu cụm từ thì cấu trúc ngữ nghĩa của cụm từ sẽ trở nên bất hợp lý, vì đảo vị trí như thế thì cụm danh từ sẽ trở thành “*sâu rừng thăm thẳm*”.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp cả hai ĐTTT đều được tác giả đặt ở vị trí đảo ngữ như trong trường hợp sau:

- (6) *Say đồng hương nắng vui ca hát,*
*Trên chín tầng **cao bát ngát** trời...*

(*Nhớ đồng; tr.62*)

Với cách đảo vị trí hai định tổ tính từ “*cao*” và “*bát ngát*” lên trước cụm danh từ trong ví dụ (6), đã có tác dụng miêu tả, làm nổi bật khung cảnh thiên nhiên, không gian cao, rộng của đồng quê.

Bên cạnh đó, người viết cũng nhận thấy, khi đảm nhận vai trò là ĐTTT trong cụm danh từ, các tính từ này thường có chức năng miêu tả tính chất, đặc trưng của các sự vật, hiện tượng, con người được nêu ra trong cụm danh từ. Ví dụ như: các tính từ “*lạt lẽo*”, “*lênh khênh*”,... được sử dụng trong các câu thơ sau:

- (7) *Ôi lạt lẽo là những **ngày lạnh lẽo**,*
Mùa đông sang, băng giá cả lòng ai.

(*Hai cái chết; tr.37*)

- (8) *O du kích nhỏ gương cao sừng,*
***Thằng Mỹ lênh khênh** bước cúi đầu.*

(*Tám ảnh; tr.123*)

Ở ví dụ (7) định tổ tính từ “*lạnh lẽo*” nằm ở phần phụ sau của cụm danh từ “*những ngày*

lạnh lẽo” có chức năng miêu tả tính chất của sự vật “ngày” trong cụm từ; ở ví dụ (8) định tố tính từ **“lãnh khênh”** nằm ở phần phụ sau của cụm động từ **“thăng Mỹ lãnh khênh”** có chức năng miêu tả đặc trưng ngoại hình của **“thăng Mỹ”** trong cụm từ.

Đặc biệt, trong quá trình miêu tả sự vật hiện tượng, tác giả đã có cách sử dụng tính từ rất thú vị. Ví dụ như trường hợp sau:

(9) **Ông xanh lúa** **chan hòa mắt đất.**

CN VN

Xanh ngát trời... Quê ấy: Miền Nam!

(Miền Nam; tr.111)

Trong ví dụ (9), cụm danh từ **“ông xanh lúa”** được tác giả thực hiện hai lần sự kết hợp sáng tạo: lần thứ nhất là đảo ngược vị trí âm tiết trong cấu tạo tính từ là từ ghép sắc thái hóa: **“xanh óng”** thành **“ông xanh”**; và lần thứ hai là đảo ngược vị trí của ĐTTT **“ông xanh”** lên phía trước cụm danh từ **“ông xanh lúa”**. Hai sự kết hợp sáng tạo này vừa làm cho ngôn ngữ thơ trở nên thi vị, vừa nhấn mạnh được vẻ óng ánh sắc màu của đồng lúa miền Nam tươi đẹp.

Như vậy, có thể thấy trong tập thơ **Quê mẹ**, tính từ hoạt động khá linh hoạt ở vị trí định tố. Ngoài các vị trí ngữ pháp ổn định là thành phần phụ trong cụm danh từ, bổ nghĩa cho các sự vật, hiện tượng nằm ở phần trung tâm của cụm danh từ thì tính từ còn được tác giả vận dụng sáng tạo trong một số trường hợp đảo vị trí hoặc kết hợp nhiều tiểu loại tính từ cùng lúc trong cụm danh từ, từ đó đã nêu rõ hơn những dụng ý nghệ thuật của tác giả trong mỗi câu thơ.

2.3.2. Tính từ ở vị trí bổ tố

Ở vị trí bổ tố, tính từ thường nằm ở phần phụ sau của cụm động từ, giữ chức năng là thành phần bổ nghĩa tính chất, đặc trưng của hoạt động được nêu ra ở động từ. Chức năng bổ tố là chức năng làm thành tố phụ cho động từ trong cụm động từ, còn được gọi là bổ tố tính từ (BTTT). Ví dụ như các tính từ **“vi vút”**, **“lạnh lạnh”** trong các câu thơ sau:

(10) **Sáo kêu vi vút** trên không,

Sáo kêu đều đặn bên lòng Hồng quân.

(Tiếng sáo Ly Quê; tr.45)

(11) **Hết lạnh rồi, gió bắc** với mùa đông,

Đây nắng tới với chim **ca lạnh lạnh.**

(Ý xuân; tr.48)

Trong các câu thơ trên thì các cụm động từ chứa BTTT là **“kêu vi vút”**, **“ca lạnh lạnh”**. Chúng tôi có thể mô hình hóa vị trí chức năng của tính từ trong các cụm động từ này theo bảng như sau:

STT	Cụm động từ		
	Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
1		kêu	vi vút (BTTT)
2		ca	lạnh lạnh (BTTT)

Trong tập thơ **“Quê mẹ”**, khi tính từ hoạt động trong cụm động từ cũng xảy ra hiện tượng đảo ngược vị trí như hoạt động trong cụm danh từ. Trong trường hợp này, BTTT được đẩy lên đầu cụm động từ và phần trung tâm của cụm động từ được đẩy ra phía sau. Ví dụ như tính từ **“ào ào”** trong câu thơ sau:

(12) **Mở mắt trông: trời đất bốn phương** chào,

“Một dân tộc đã ào ào đứng dậy”.

(Huế tháng Tám; tr.86)

Trong cụm động từ **“đã ào ào đứng dậy”**, bổ tố tính từ **“ào ào”** được đẩy lên phía trước của cụm từ, cụm động từ khôi phục lại bình thường phải là **“đứng dậy ào ào”**. Với cách kết hợp này, tác giả nhằm ý nhấn mạnh việc miêu tả ý chí, không khí cách mạng của cả một dân tộc trước sự xâm lược của kẻ thù.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy, khi đảm nhận vai trò là BTTT trong cụm động từ, các

phụ từ “mấy”. Với cách diễn đạt này, tính chất “xa” như được sự vật hóa để có thể cân đo đong đếm được và như vậy cái sự xa xôi đó không còn trở nên mơ hồ mà được vật chất hóa cụ thể, theo đó nó trở nên gần gũi, dễ hiểu dễ cảm được tấm lòng của nhân vật trữ tình dành cho quê hương xứ sở.

Trường hợp thứ tư là cách kết hợp khác lạ về trường nghĩa giữa động từ và BTTT trong cụm động từ. Chúng ta có thể xem xét ví dụ sau:

- (17) “*Gió se man mát sương mù*
*Mà nghe **nóng rực** chiến khu rộn ràng*”

(Đường vào; tr.121)

Thông thường, trước “*nóng rực*” phải là động từ chỉ cảm giác như *thấy*, *cảm thấy* nhưng trong ví dụ (17), tác giả lại kết hợp tính từ “*nóng rực*” với động từ chỉ thính giác “*nghe*”. Cách kết hợp này rất khác thường nhưng lại rất phù hợp với dụng ý miêu tả của tác giả trong toàn bộ văn cảnh của bài thơ, “*nóng rực*” ở đây không còn là cảm giác đơn thuần của cơ thể con người mà đó là “*nóng rực*” của âm thanh tiếng lòng đang thúc giục người chiến sĩ cách mạng quyết tâm lên đường giết giặc cứu nhân dân.

Trong tập thơ *Quê mẹ*, tính từ được sử dụng rất sáng tạo ở vị trí bổ tố. Sự sáng tạo này thể hiện ở một số khả năng kết hợp và đảm nhận vị trí cú pháp độc đáo của tính từ trong cụm từ và trong câu thơ. Điều này cho thấy tác giả rất tinh tế khi sử dụng ngôn từ tiếng Việt trong việc bày tỏ cảm xúc đầy vui của nhân vật trữ tình trước thời cuộc trong mỗi dòng thơ.

2.3.3. Tính từ ở vị trí vị ngữ

Như đã trình bày ở trên, khi hoạt động trong câu, tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ ít đảm nhận ở chức vụ vị ngữ. Khi ở vị trí này, chúng có cách kết hợp phổ biến như sau:

- (18) *Mở bình minh,*
Dáng Liên Xô lông lộng.

↑ ↑
CN VN

(Một nhánh xuân; tr.161)

- (19) *Khi con hổ thênh thang trong rú rậm.*

↑ ↑
CN VN

Say hương cây bồng mắc cạn giăng thâm.

(Nhớ người; tr.57)

- (20) *Mắt đời cay sọ nắng khép lim dim,*
Mà ngoài sân, tất cả cũng im lìm.

↑ ↑
CN VN

(Trưa tù; tr.52)

Ở vị trí vị ngữ, chúng tôi nhận thấy tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ có thể đứng độc lập để đảm nhận chức năng vị ngữ như tính từ “*lông lộng*” ở ví dụ (18); hoặc có thể kết hợp trong cụm từ giữ chức năng vị ngữ như tính từ “*thênh thang*” trong cụm từ “*thênh thang trong rú rậm*” trong ví dụ (19); hay kết hợp với phụ từ chỉ sự tiếp diễn “*cũng*” như tính từ “*im lìm*” trong ví dụ (20). Trong cả ba ví dụ này cả ba tính từ đều đảm nhận ở chức năng miêu tả tính chất của các sự vật được nêu ra ở phần chủ ngữ.

Bên cạnh đó, người viết cũng nhận thấy có hiện tượng đảo vị ngữ là tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ lên đầu câu như cách dùng tính từ trong ngữ liệu sau:

- (21) *Rồi ngày kia rồi cánh,*
Rụi chết bên đường đi.
***Thờ ơ** con mắt lạnh,*
Nhìn chúng: “Có hề chi!”.

(Mở cõi; tr.14)

Con mắt lạnh thờ ơ.



Từ “*giải phóng*” trong ví dụ (29) được tác giả để trong ngoặc kép với hàm ý nhấn mạnh. Sự nhấn mạnh đó bắt nguồn từ sự kết hợp khác lạ của tác giả trong cụm danh từ “*bát com giải phóng*”. “*Giải phóng*” vốn là động từ, thông thường nó sẽ giữ chức vụ vị ngữ ở trong câu, thể hiện hoạt động của một đối tượng hữu sinh nào đấy. Tuy nhiên, trong ví dụ (29), “*giải phóng*” đã được tính từ hoá, đóng vai trò là ĐTTT bổ sung ý nghĩa cho phần trung tâm “*bát com*” trong cụm danh từ “*bát com giải phóng*”. Việc kết hợp này như một cách gọi tên ẩn ý về đặc trưng của “*bát com*”. Đây không phải là bát com vật chất thông thường mà là bát com của sự tự do, hạnh phúc, làm ấm lòng con dân.

2.4.2. Tính từ ở vị trí bổ tố

Thông thường, tính từ không xác định thang độ nằm ở phần phụ sau của cụm động từ, giữ chức năng là thành phần bổ tố trong các cụm từ này hay còn được gọi là bổ tố tính từ (BTTT). Ví dụ như các tính từ “*thăng*”, “*hiên ngang*”, “*thanh tao*” trong các câu thơ sau:

- (30) “*Vẫn đứng thăng trên đường đầy lửa máu*
Chân kiêu căng không thoái bộ bao giờ!”

(*Tâm tư trong tù; tr.51*)

- (31) “*Hỡi ông, tuổi tám mươi tròn,*
Ngực phanh mũi súng, tra đòn chẳng sao.
Sống hiên ngang, sống thanh tao,
Quê hương, biết mấy tự hào lòng ta”.

(*Nước non ngàn dặm; tr.153*)

Trong các câu thơ trên thì các cụm động từ chứa BTTT là “*vẫn đứng **thăng** trên đường đầy lửa máu*”, “*sống **hiên ngang***”, “*sống **thanh tao***”. Chúng tôi có thể mô hình hóa vị trí chức năng của tính từ trong các cụm động từ theo bảng sau:

STT	Cụm động từ			
	Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau	
			Bổ ngữ	Trạng ngữ
1	<i>vẫn</i>	<i>đứng</i>	<i>thăng (BTTT)</i>	<i>trên đường đầy lửa máu</i>
2		<i>sống</i>	<i>hiên ngang (BTTT)</i>	
3		<i>sống</i>	<i>thanh tao (BTTT)</i>	

Tiếp đến, chúng tôi cũng nhận thấy trong một số trường hợp, nhằm phục vụ cho dụng ý nghệ thuật của tác giả hoặc để phù hợp với cách phối vần, thanh điệu trong thơ ca, trong quá trình sáng tác, tác giả đã đảo vị trí bổ tố tính từ trong cụm động từ. Ví dụ như cách sử dụng tính từ “*dại*” trong ví dụ sau:

- (32) “*Tôi buồn lo ngày chẳng đủ com nuôi,*
Và dại nghĩ: “Thà” “xong” đi một đứa!”.

(*Hai cái chết; tr.36*)

Ở ví dụ (32), trong cách kết hợp “*dại nghĩ*”, tác giả đã đảo trật tự BTTT “*dại*” lên trước động từ “*nghĩ*”, các kết hợp thông thường phải là “*nghĩ dại*”. Với cách kết hợp khác thường như vậy, vừa tạo được ngữ điệu cho câu thơ vừa tạo được điểm nhấn về tính chất “*dại*” của hành động “*nghĩ*”, nhấn mạnh về những trăn trở chưa xốt trong lòng của người mẹ về sự sinh tồn của những đứa con.

Bên cạnh cách kết hợp phổ biến, một bổ tố tính từ ở phía sau động từ trong cụm động từ, người viết cũng khảo sát được có một số trường hợp tác giả sử dụng hai BTTT ở phía sau động từ trong cụm động từ. Ví dụ như hai tính từ “*vàng*, *héo úa*” trong cụm động từ “*đã phơi **vàng** **héo úa***” ở ngữ liệu sau:

- (33) “*Ý chết đã phơi vàng héo úa,*
Mùa thu lá sắp rụng trên đường.
Mơ chi ảo mộng ngàn xưa nữa?
Cây hết thời xanh đến tiết vàng”.

(*Dừng dưng; tr.31*)

98

tính từ chỉ thang độ không xác định và đóng vai trò là vị ngữ. Tuy nhiên, trong quá trình tạo lập câu, ở hai câu sau trong dòng thơ, tác giả đã lược đi hai động từ “là” và thế vào đó là dấu phẩy, tạo ra hiện tượng mỗi câu là hai ngữ đoạn riêng biệt.

Ở dòng thơ thứ hai của ví dụ (37), khôi phục lại trạng thái ban đầu thì cũng phải là:

“*Và những lũ người câm là đại khờ.*”

Theo nguyên mẫu thì tính từ “*đại khờ*” nằm ở vị trí vị ngữ. Tuy nhiên, trong quá trình tạo lập câu thơ thì tác giả đã đảo ngược vị trí, đẩy “*đại khờ*” lên vị trí chủ ngữ và “*những lũ người câm*” xuống vị trí của vị ngữ.

Có thể nói, việc thay đổi cấu trúc câu và tách biệt vai trò vị ngữ của tính từ, tác giả đã tạo điểm nhấn trong câu thơ, đồng thời khắc sâu hơn dụng ý miêu tả nghệ thuật của mình trong việc nhấn mạnh và phủ định những yếu đuối trong tâm hồn những con người khốn khổ, từ đó khích lệ họ liên kết lại để vùng lên đấu tranh chống lại kẻ thù, đó tinh thần được thể hiện trong bài thơ “*Liên hiệp lại*”.

Ngoài ra, người viết còn thấy xuất hiện trường hợp đặc biệt như hoạt động của các tính từ “*đỏ*”, “*trắng*” được dùng trong ngữ liệu sau:

(38) “*Xe lên đường 9 cheo leo*
Hố bom đỏ mắt, trắng đèo bông lau
Cây khô, chết chẳng nghiêng đầu
Nghìn tay than cháy rạch màu trời xanh

(*Nước non ngàn dặm; tr.140*)

Về câu ghép “*hố bom đỏ mắt*” trong đoạn thơ trên đã bị tác giả lược đi động từ trung tâm và đẩy tính từ “*đỏ*” lên trung tâm cụm, giữ chức năng vị ngữ trong vế câu ghép. Về câu này khôi phục lại phải là “*hố bom làm đỏ mắt*”. Đồng thời, trong vế câu ghép “*trắng đèo bông lau*”, chúng tôi cũng thấy có hiện tượng lược đi động từ “*nở*”, giao quyền vị ngữ cho tính từ “*trắng*”, sau đó đảo vị ngữ “*trắng*” lên đầu vế câu ghép; trường hợp này khôi phục lại phải là “*bông lau nở trắng đèo*”. Với cách kết hợp như vậy, tác giả vừa tạo được vận nhịp cho câu thơ vừa nhấn mạnh được tính chất khắc nghiệt và hoang dã của không gian núi rừng miền Trung, nơi các anh chiến sĩ đang ngày đêm vượt khó khăn, gian khổ để đấu tranh chống sự xâm lược của kẻ thù.

Có thể thấy, tính từ không chỉ đặc trưng xác định thang độ được sử dụng khá phong phú và đa dạng trong tập thơ *Quê mẹ* của Tố Hữu. Ở cả ba vị trí, định tố, bổ tố và vị ngữ, bên cạnh một số chức năng ngữ pháp, ngữ nghĩa ổn định, tính từ còn được tác giả sử dụng rất sáng tạo về khả năng kết hợp cũng như về chức năng ngữ pháp và biểu hiện ngữ nghĩa. Qua đó, có thể thấy tác giả rất nhạy bén trong việc lựa chọn từ ngữ nói chung và tính từ nói riêng để biểu đạt các cung bậc cảm xúc của con người trước cuộc đời và thời đại; từ đó khẳng định được tài năng của nhà thơ Tố Hữu trên con đường làm bạn với chữ nghĩa của thơ ca.

3. Kết luận

Có thể thấy hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa của tính từ trong tập thơ *Quê mẹ* của Tố Hữu được thể hiện khá phong phú và đa dạng với các đặc điểm cụ thể sau:

(i) Cả tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ và tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ đều được vận dụng một cách linh hoạt, hiệu quả trong việc miêu tả thế giới ngôn từ nghệ thuật trong thơ ca.

(ii) Tính từ chỉ thang độ không tuyệt đối được ưu tiên sử dụng nhiều hơn, điều này cũng dễ hiểu vì đây là lớp tính từ chiếm số lượng lớn trong tổng số hai tiểu loại tính từ tiếng Việt.

(iii) Xét ở hoạt động ngữ nghĩa, tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ được tác giả vận dụng rất tinh tế ở nhiều khả năng sáng tạo, làm tăng giá trị biểu đạt của tứ thơ. Xét về hoạt động ngữ pháp, tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ được tác giả vận dụng thủ pháp danh hoá cũng rất linh hoạt, nhằm vật chất hoá các tính chất, đặc trưng của sự vật, hiện tượng một cách cụ thể, tạo điểm nhấn miêu tả trong mỗi câu thơ, gây ấn tượng thơ thú vị tới độc giả.

(iv) Đa số các tính từ trong tập thơ “*Quê mẹ*” của Tố Hữu được sử dụng ở vị trí ĐTTT là phổ biến, tác giả sử dụng ĐTTT để miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, miêu tả không gian của làng

quê xứ Huế. Qua đó, chúng ta thấy trong hoạt động thực tiễn, tính từ đa phần giữ vai trò là thành phần phụ, bổ nghĩa cho sự vật, hiện tượng được nêu trong cụm danh từ; ở các vị trí khác, tính từ hoạt động yếu hơn.

Tóm lại, nghiên cứu về hoạt động ngữ pháp và ngữ nghĩa của tính từ trong tập thơ *Quê mẹ* của Tố Hữu, bên cạnh việc chỉ ra những biểu hiện cụ thể của từ loại tính từ trong thực tiễn giao tiếp văn chương nghệ thuật của người Việt thì chúng tôi còn muốn cụ thể hoá hướng tiếp cận tác phẩm văn chương từ góc độ Ngôn ngữ học thay vì một số hướng tiếp cận truyền thống trước đây như Lí luận văn học, Thi pháp học, Phong cách học. Việc vận dụng các đặc trưng của Ngôn ngữ học kết hợp với các hướng nghiên cứu truyền thống trước đây về tác phẩm văn chương sẽ giúp độc giả, người nghiên cứu hiểu rõ hơn cái hay cái đẹp cùng các giá trị thẩm mĩ sâu sắc được thể hiện qua mỗi tác phẩm tinh thần của các nhà văn, nhà thơ, bắt đầu từ những đơn vị nhỏ nhất là từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Bảo (1999), *Thơ Việt Nam tác giả, tác phẩm, lời bình*, NXB Giáo dục, TP.HCM.
- [2] Diệp Quang Ban (Chủ biên) - Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập 1) (2007), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Chim Vãn Bé (2016), *Ngôn ngữ học văn chương Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Cần Thơ.
- [4] Lê Biên (1998), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Vương Thị Thanh Chi (2014), *Khảo sát hệ thống tính từ trong tập thơ Võ Quảng viết cho thiếu nhi*, Khoá luận tốt nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.
- [6] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2000), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Đinh Văn Đức (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [8] Hà Minh Đức (1997), *Khảo luận văn chương (Thể loại - Tác giả)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Trọng Hoàng (2020), *Trữ lượng cảm xúc trữ lượng của tâm hồn*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [10] Tố Hữu (2005), *Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [11] Tố Hữu (2019), *Quê mẹ thơ*, NXB Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế.
- [12] Mai Hương (1999), *Thơ Tố Hữu những lời bình*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
- [13] Đặng Khoa, Thuỳ Uyên (2013), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [14] Lê Đình Kỳ (1999), *Phê bình nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục, TP.HCM.
- [15] Phong Lan - Mai Hương (1999), *Tố Hữu về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [16] Mai Quốc Liên (1998), *Phê bình và tranh luận văn học*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [17] Nguyễn Văn Long, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt, *Đại cương Văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [18] Nguyễn Văn Long (Chủ biên), Nguyễn Thị Bình, Lê Quang Hưng, Trần Hạnh Mai, Mai Thị Nhung, Chu Văn Sơn, Trần Đăng Suyền (2020), *Văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Văn Lộc (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Tiến (2017), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, Vĩnh Phúc.
- [20] Nguyễn Đăng Mạnh (2007), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.



- [21] Trần Thị Nhung (2020), *Khảo sát tính từ chỉ màu sắc trong thơ Trần Đăng Khoa*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.
- [22] Nguyễn Kim Phong, Lê Lưu Oanh (2001), *Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường Tố Hữu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [23] Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [24] Nguyễn Hữu Quỳnh (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [25] Trần Đình Sử (1987), *Thi pháp thơ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [26] Nguyễn Quang Thiều (Chủ biên), Nguyễn Quyên, Trần Thanh Hà (2000), *Tác giả nói về tác phẩm*, NXB Trẻ, Thừa Thiên Huế.
- [27] Nguyễn Thị Thu (2018), *Tính từ trong thơ Nôm đường luật của Hồ Xuân Hương*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Sư phạm 2.
- [28] Bùi Minh Toán (chủ biên), Nguyễn Thị Lương (2007), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [29] Hà Xuân Trường (2001), *Con đường chân lý (lý luận phê bình văn học cụm tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [30] Hồ Văn Tuyên (2018), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Bình Dương.
- [31] Nhóm tác giả của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học và xã hội.

